

Số: 131 /KH-UBND

Ninh Bình, ngày 21 tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH
Xây dựng và phát triển đô thị Ninh Bình đến năm 2030

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh số 01-CTr/TU ngày 02 tháng 10 năm 2025 thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030;

Trên cơ sở tham mưu, đề xuất của cơ quan chuyên môn và ý kiến thống nhất của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Kế hoạch xây dựng và phát triển đô thị Ninh Bình đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu và định hướng của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

- Xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với đặc trưng Đô thị di sản thiên niên kỷ, thành phố sáng tạo; phát huy giá trị văn hóa, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên.

- Nâng cao chất lượng đô thị và đời sống của nhân dân, lấy con người làm trung tâm của quá trình phát triển; phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại.

2. Yêu cầu

- Bám sát các quy định của pháp luật về phân loại đô thị và tiêu chuẩn đơn vị hành chính.

- Xây dựng lộ trình cụ thể, khả thi kèm theo các giải pháp đột phá để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại.

- Phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm và tiến độ thực hiện; tăng cường kiểm tra, giám sát.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng Ninh Bình đạt tiêu chí đô thị loại I, đến năm 2030 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

- Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị và tiêu chuẩn đơn vị hành chính theo quy định.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Kinh tế - xã hội

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân giai đoạn 2025-2030 đạt hoặc vượt tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP), đạt tối thiểu 11%/năm, thuộc nhóm cao nhất cả nước.

- Phân đầu thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn mức bình quân cả nước trong 03 năm gần nhất và nằm trong top 10 tỉnh, thành phố có thu nhập cao nhất cả nước.

b) Mức độ đô thị hóa

- Công nhận đô thị đối với các đô thị mở rộng, đô thị mới theo phương án phát triển hệ thống đô thị trực thuộc tỉnh. Đến năm 2028 đạt tỷ lệ đô thị hóa từ 45%, đến năm 2030 đạt tỷ lệ đô thị hóa 60,1%.

- Phân đầu 50% số phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II.

c) Phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

- Hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác tối thiểu 02 công trình đầu mối hạ tầng giao thông cấp khu vực và quốc tế, cửa ngõ chính, trung tâm kết nối vùng (cảng hàng không, cảng biển, ga đường sắt tốc độ cao...).

- Có giao thông vận tải hành khách công cộng bao phủ 100% đô thị loại II.

- Có ≥ 05 công trình kiến trúc, khu nhà ở, khu đô thị đã được đầu tư xây dựng đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

- Phân đầu đạt tiêu chuẩn đô thị thông minh mức độ 1.

- Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo giai đoạn gần nhất đã được cấp có thẩm quyền công nhận.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Hoàn thiện khung pháp lý và xây dựng các chương trình, đề án

a) Lập Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Bình trên cơ sở Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được phê duyệt đảm bảo phù hợp với Kết luận số 224-KL/TW ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Lập Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình trong đó định hình rõ nét cấu trúc đô thị trên cơ sở bảo tồn nguyên vẹn và phát huy giá trị khu vực lõi lịch sử, hệ thống thành quách, kinh thành cổ.

c) Lập, điều chỉnh quy hoạch chung các đô thị trực thuộc tỉnh phù hợp với phương án phát triển hệ thống đô thị được xác định trong Quy hoạch tỉnh, trong đó tính toán quỹ đất xây dựng đô thị đảm bảo hiệu quả, bền vững, ưu tiên quỹ đất phát triển dịch vụ phù hợp với tiềm năng, lợi thế và định hướng phát triển kinh tế đô thị, yêu cầu thu hút đầu tư. Lập Quy chế quản lý kiến trúc cho các đô thị.

d) Lập Đề án phát triển đô thị thông minh làm cơ sở đầu tư và hoàn thành đánh giá công nhận cấp độ trưởng thành đô thị thông minh (Mức 1).

đ) Tổ chức rà soát các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị đối với các đô thị loại II, loại III, phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III được chuyển tiếp theo quy định, đặc biệt đối với các phường thuộc đô thị loại II. Lập, điều chỉnh, tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển đô thị và các quy hoạch, kế hoạch khác có liên quan bảo đảm hoàn thiện theo quy định. Lập Đề án công nhận loại đô thị đối với các đô thị đảm bảo điều kiện.

e) Lập Đề án đề nghị công nhận đô thị Ninh Bình đạt tiêu chí đô thị loại I, đồng thời với rà soát, đánh giá các đô thị loại II trong năm 2028.

g) Lập Đề án thành lập thành phố Ninh Bình đảm bảo mục tiêu đến năm 2030 hoàn thành nhiệm vụ thành lập thành phố Ninh Bình.

2. Phát triển kinh tế và hạ tầng tạo động lực

- Xây dựng Đề án thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đạt mức tăng trưởng GRDP tối thiểu 11% và mục tiêu tự chủ ngân sách. Tập trung thu hút đầu tư vào Khu công nghệ cao Hà Nam, Khu kinh tế Ninh Cơ, thúc đẩy phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp sinh thái.

- Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng chiến lược (*Cảng hàng không quốc tế Ninh Bình, Cảng biển Ninh Bình...*), các tuyến giao thông động lực (*Tuyến đường trục động lực phát triển kinh tế - xã hội Hoa Lư - Nam Định, tuyến đường nối Hoa Lư với trục dọc 07, tuyến đường trục kết nối Thanh Liêm - Cao Bồ, tuyến kết nối Đông - Tây kết nối vùng biển với tuyến đường Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Bắc...*), phát triển giao thông công cộng và giao thông xanh. Phát triển hạ tầng số, môi trường, logistics... làm nền tảng cho kinh tế số và đô thị thông minh, đô thị sáng tạo.

- Triển khai các dự án khai thác tiềm năng phát triển dọc các sông lớn (*sông Hồng, sông Đáy, sông Ninh Cơ...*), phục hồi dòng sông cổ, làm viên đô thị, cây xanh cảnh quan đặc trưng di sản. Triển khai các dự án hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai đảm bảo phát triển đô thị bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu.

3. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng đô thị (*hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hóa cấp đô thị*)

- Sở Xây dựng chịu trách nhiệm đối với các tiêu chuẩn về giao thông, cấp nước đô thị, thoát nước và xử lý nước thải, nghĩa trang đô thị, không gian xanh đô thị.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm đối với các tiêu chuẩn về cấp nước nông thôn, xử lý chất thải rắn.

- Sở Y tế chịu trách nhiệm đối với tiêu chuẩn về cơ sở y tế cấp đô thị (*số giường bệnh/vạn dân*).

- Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm đối với tiêu chuẩn về cơ sở đào tạo cấp đô thị (*số lượng cơ sở đào tạo tại các đô thị, 100% trường trung học phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên tại các phường và khu vực dự kiến thành lập phường*).

- Sở Văn hóa và Thể thao chịu trách nhiệm đối với tiêu chuẩn về công trình văn hóa; công trình thể dục, thể thao cấp đô thị.

- Sở Công Thương chịu trách nhiệm đối với tiêu chuẩn về công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị.

(Chi tiết tại Phụ lục I - B.1)

4. Hoàn thiện trình độ phát triển đô thị

a) Ủy ban nhân dân cấp xã (*các phường, xã trong khu vực phát triển đô thị, dự kiến lên phường*) chịu trách nhiệm trực tiếp và giao cơ quan, đơn vị thực hiện trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị

- Lập và triển khai kế hoạch phát triển đô thị theo quy định trong đó xác định giải pháp cụ thể khắc phục các tiêu chí chưa đạt chuẩn và danh mục dự án đầu tư để hoàn thiện các tiêu chuẩn trình độ phát triển đô thị loại III, loại II.

- Bố trí nguồn lực để đầu tư hoàn thiện đồng bộ hạ tầng xã hội và kỹ thuật tại các khu vực phát triển đô thị, khu vực trọng điểm lên phường, tập trung vào các tiêu chuẩn hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của Phụ lục II (*mức tiêu thụ nước sạch, mật độ đường giao thông, tỷ lệ ngầm hóa, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng bảo đảm vệ sinh môi trường, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại và các công trình dịch vụ khác...*).

- Tổ chức lập Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị (*Bảng 2B, Phụ lục II Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15*) đối với các đơn vị hành chính cấp xã kèm theo Đề án công nhận loại đô thị hoặc thực hiện công nhận trình độ phát triển lên mức cao hơn.

- Lập Đề án thành lập phường đối với các xã đảm bảo điều kiện.

b) Một số nhiệm vụ cụ thể gắn với các tiêu chí, tiêu chuẩn

Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm chính về việc đáp ứng các tiêu chuẩn, các sở, ngành (*Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Văn hóa và Thể thao ...*) chủ động xây dựng kế hoạch, hướng dẫn việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan:

- Về mức độ đô thị hóa:

+ Rà soát quy hoạch chung đô thị đảm bảo hiệu quả sử dụng đất: Xác định diện tích đất xây dựng đô thị quy hoạch đảm bảo tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với quy hoạch đạt tỷ lệ tối thiểu 50%.

+ Thực hiện các giải pháp tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

- Về hạ tầng xã hội:

+ Phát triển các loại hình nhà ở đặc biệt là nhà ở xã hội, nâng cao diện tích nhà ở bình quân đầu người; tại các phường trung tâm triển khai chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đồng bộ khu dân cư.

+ Rà soát quy hoạch, đầu tư bổ sung các công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở, trong đó quan tâm đảm bảo chỉ tiêu cho đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở, công trình văn hóa, thể dục, thể thao cấp đơn vị ở.

+ Đầu tư hoàn thiện, công nhận đạt chuẩn quốc gia cho các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập.

- Về hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc cảnh quan đô thị:

+ Đầu tư phát triển hệ thống giao thông đô thị, xác định tuyến đường dành riêng cho xe đạp.

+ Chỉnh trang đô thị, công nhận phường chuẩn văn minh đô thị, tuyến phố văn minh đô thị; ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính; lập và quản lý theo thiết kế đô thị tuyến phố chính; khuyến khích phát triển kiến trúc công trình...

+ Đầu tư xây dựng các không gian xanh, không gian mở, công viên, cây xanh.

+ Mở rộng mạng lưới cấp nước, nâng cao mức tiêu thụ nước sạch, cung cấp nước uống tại vòi tại các khu vực công cộng.

+ Đầu tư phát triển hệ thống chiếu sáng đô thị, ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh.

+ Đầu tư các trạm xử lý nước thải theo quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị trên địa bàn.

+ Thực hiện các giải pháp giảm tác động ngập lụt: Xây dựng hồ điều hòa, mô hình đô thị “bọt biển” ...

+ Rà soát quy hoạch nghĩa trang và đầu tư xây dựng, cải tạo nghĩa trang theo quy hoạch, thực hiện chính sách hỗ trợ khuyến khích hỏa táng.

+ Phát triển hạ tầng viễn thông (*mạng băng rộng cố định, điểm truy cập WiFi miễn phí ở các điểm công cộng*).

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CHI TIẾT

1. Giai đoạn 2026-2027

- Triển khai đồng thời các nhiệm vụ về lập quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị trong năm 2026, xác định cụ thể danh mục dự án đầu tư khắc phục tiêu chí phân loại đô thị.

- Các xã có đô thị cũ (*Phụ lục III.1*): Trong năm 2026 tập trung thực hiện các giải pháp ngắn hạn để nâng cao các tiêu chí, tiêu chuẩn, các xã đủ điều kiện triển khai lập song song Đề án công nhận loại đô thị, Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị và Đề án thành lập phường với quá trình nghiên cứu lập quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị để trình cấp có thẩm quyền ngay khi hoàn thành quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị.

2. Giai đoạn 2027-2028

- Lập Đề án công nhận đô thị cho các đô thị mới loại III và Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị với các xã (*Phụ lục III.2*) đối với các khu vực đảm bảo điều kiện; Đầu tư hoàn thiện tiêu chí đô thị loại II đối với các đô thị loại II hiện hữu (*Hoa Lư, Nam Định, Phủ Lý, Tam Điệp*).

- Các phường hiện trạng: Tập trung hoàn thiện tiêu chí phường loại II đối với phường Phủ Lý và đầu tư đạt trình độ phát triển phường đô thị loại II đối với các phường còn lại.

3. Giai đoạn 2028-2029

- Các xã còn lại trong khu vực phát triển đô thị (*Phụ lục III.2*) hoàn thiện các tiêu chí để công nhận đô thị và đạt trình độ phát triển đô thị loại III.

- Lập Đề án đề nghị công nhận đạt tiêu chí đô thị loại I và Đề án thành lập thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Năm 2030

- Tiếp tục thực hiện công nhận đô thị hướng đến mục tiêu về tỷ lệ đô thị hóa đạt 60,1%.

Đối với các xã, phường có phát triển đột phá về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, phát triển kinh tế xã hội đáp ứng các tiêu chuẩn đơn vị hành chính, tiêu chuẩn phân loại đô thị, khuyến khích xây dựng đề án phân loại đô thị, báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị và đề án thành lập phường, báo cáo cấp có thẩm quyền sớm hơn lộ trình dự kiến.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thiết lập cơ cấu chỉ đạo và điều hành thống nhất

Phát huy vai trò Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo xây dựng và phát triển đô thị Ninh Bình đến năm 2030, chỉ đạo, điều phối hoạt động giữa các sở, ngành và địa phương, đảm bảo giải quyết kịp thời, dứt điểm các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Xây dựng, bổ sung các cơ chế

- Đề nghị Trung ương cho phép áp dụng cơ chế đặc thù trong đầu tư phát triển các hệ thống công trình động lực của tỉnh.
- Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư hoàn thiện tiêu chí hạ tầng đối với các xã dự kiến thành lập phường.

3. Hoàn thiện thể chế và tăng cường hướng dẫn chuyên môn

Tăng cường, chủ động trong hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn cho các xã về các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị; nhằm đảm bảo các địa phương có cơ sở pháp lý và kỹ thuật vững chắc để xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện.

4. Hoàn thiện quy hoạch, xây dựng danh mục ưu tiên và bố trí nguồn lực đầu tư

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị. Xây dựng danh mục ưu tiên đầu tư hạ tầng động lực, hạ tầng đô thị (*công trình giáo dục, y tế, văn hóa thể thao, công trình hạ tầng đầu mối cấp nước, thoát nước, nghĩa trang, công viên cây xanh*).

- Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng động lực chiến lược (*giao thông đường bộ, đường sắt nội tỉnh, đường thủy nội địa, đường hàng không; khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm logistics, khu công nghệ cao, cảng biển, ...*). Đặc biệt ưu tiên các khu vực được xác định là động lực tăng trưởng kinh tế như: Khu kinh tế Ninh Cơ; vùng du lịch Tràng An, Tam Cốc Bích Động, Tam Chúc, các Khu vực đô thị trung tâm (*Hoa Lư, Phủ Lý, Nam Định*) và các xã có thị trấn huyện lỵ cũ.

- Đổi mới cơ chế quản lý để thu hút vốn từ khu vực tư nhân cho hạ tầng xã hội (*y tế chuyên sâu, giáo dục chất lượng cao*) và hạ tầng kỹ thuật. Khuyến khích đầu tư vào các tổ hợp dịch vụ - vui chơi giải trí chất lượng cao. Xây dựng danh mục dự án PPP kêu gọi đầu tư trong lĩnh vực giáo dục (*trường chất lượng cao*), y tế (*bệnh viện chuyên khoa*) và dịch vụ - du lịch chất lượng cao.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án phát triển đô thị; rà soát, kiên quyết thu hồi các dự án chậm tiến độ; công bố danh mục dự án trọng điểm thu hút đầu tư, tăng tỷ lệ lấp đầy quy hoạch.

5. Tăng cường giám sát, kiểm tra

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, Nghị định số 35/2026/NĐ-CP và các quy định của pháp luật trong quản lý phát triển đô thị đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

- Thực hiện chế độ báo cáo, giám sát thường xuyên việc thực hiện Kế hoạch này, đồng thời chỉ đạo, đôn đốc, tổ chức kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện kế hoạch phát triển đô thị đã được phê duyệt.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tạo đồng thuận trong công tác xây dựng, phát triển đô thị

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để tạo sự đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân. Cần xác định rõ đây là mục tiêu lớn của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân toàn tỉnh, từ đó huy động sức mạnh tổng hợp, biến quyết tâm chính trị thành hành động thực tiễn để thực hiện thành công Kế hoạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng

- Là cơ quan chủ trì, nghiên cứu, tham mưu các nội dung, nhiệm vụ xây dựng Ninh Bình đạt tiêu chí đô thị loại I phù hợp với vai trò, tính chất, đặc trưng đô thị và tình hình thực tế; tham mưu công tác quy hoạch, phát triển đô thị phát huy giá trị đặc sắc đô thị di sản.

- Chịu trách nhiệm chung trong triển khai thực hiện Kế hoạch, tham mưu kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc, định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo Xây dựng và phát triển đô thị Ninh Bình đến năm 2030. Thường xuyên theo dõi, tổng hợp, chủ động giải quyết các kiến nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền hoặc đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

- Tổ chức lập Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã lập Kế hoạch phát triển đô thị, các Báo cáo, Đề án về phân loại đô thị.

- Hướng dẫn công tác lập quy hoạch đô thị, lập Quy chế quản lý kiến trúc, nâng cao chất lượng quy hoạch, kiến trúc đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị.

- Hướng dẫn chung về các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị; chịu trách nhiệm chính trong hoàn thiện các tiêu chuẩn về cấp nước đô thị, thoát nước đô thị, xử lý nước thải đô thị, chiếu sáng công cộng và cây xanh trong khu vực đô thị.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì tổ chức xây dựng hồ sơ Đề án thành lập thành phố Ninh Bình trực thuộc Trung ương; phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã lập Đề án thành lập các phường.

- Phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn để thành lập phường.

3. Sở Tài chính

- Tổng hợp, hướng dẫn các tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan đến lĩnh vực tài chính, đầu tư.

- Tham mưu giải pháp đảm bảo tự chủ ngân sách và xây dựng cơ chế chính sách đặc thù về tài chính cho tỉnh trình cấp có thẩm quyền ban hành.

- Tham mưu ưu tiên bố trí nguồn lực và xây dựng cơ chế hỗ trợ đầu tư cho các xã dự kiến lên phường.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (*thủy lợi, phòng chống thiên tai, cấp nước nông thôn, nông thôn mới...*).

- Phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan rà soát nhu cầu sử dụng đất đô thị đến năm 2030, trình cập nhật, bổ sung vào phương án phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan đến lĩnh vực khoa học, công nghệ (*chuyển đổi số, hạ ngầm cáp viễn thông...*). Phối hợp trong xây dựng và triển khai Đề án thành phố thông minh cấp tỉnh.

6. Sở Công Thương

Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan đến lĩnh vực công thương (*điện, hạ ngầm đường dây điện, thương mại...*).

7. Sở Văn hóa và Thể thao

Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan đến lĩnh vực văn hóa, thể thao (*công trình văn hóa; công trình thể dục, thể thao các cấp; phường đạt chuẩn văn minh đô thị...*).

8. Các sở, ban, ngành khác: Thực hiện trách nhiệm phối hợp theo lĩnh vực chuyên ngành, đảm bảo thống nhất và đồng bộ trong triển khai phát triển đô thị trên toàn tỉnh.

9. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Xác định việc phát triển thành phường (*đối với các xã hiện trạng*), hoàn thiện các tiêu chuẩn để đạt trình độ phát triển đô thị phường đô thị loại II (*đối với các phường hiện trạng*) là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu.

- Ủy ban nhân dân các xã (*đăng ký lên phường*) và các phường căn cứ vào thực trạng, chủ động rà soát các tiêu chí; xây dựng lộ trình cụ thể để huy động nguồn lực hoàn thiện tiêu chí, chủ động xây dựng Đề án thành lập phường.

- Rà soát quy hoạch, xác định tiềm năng, thế mạnh và đề xuất các dự án để tích hợp vào quy hoạch cấp trên. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện hàng quý (*trước ngày 25 tháng cuối mỗi quý*) gửi Sở Xây dựng và các sở, ngành phụ trách các tiêu chí chuyên ngành để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình: Xây dựng và triển khai các chương trình, hoạt động tuyên truyền, phổ biến nhằm giới thiệu đầy đủ về mục tiêu, nội dung, lộ trình thực hiện của Kế hoạch.

11. Các đơn vị cấp điện, cấp nước, thoát nước, viễn thông

Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã để đề xuất các dự án, cung cấp giải pháp phát triển hạ tầng liên quan đảm bảo các tiêu chuẩn về cấp điện, cấp nước, thoát nước, viễn thông.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / *gq*

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- BTV Đảng ủy UBND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Đảng ủy và UBND các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP, các VP, Ban, TT;
- Lưu: VT, VP4.

DAH_VP4_KH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Dũng

Phụ lục I

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN THEO QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nhóm tiêu chí, tiêu chuẩn	Quy định	Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì và phối hợp	Tiến độ
A	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ LOẠI I				
I	Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội	Đã triển khai đầu tư, xây dựng một trong các khu chức năng hoặc thuộc khu chức năng có vai trò cấp quốc gia, quốc tế			Đã đạt
		Là trung tâm tổ chức ≥ 02 sự kiện quốc tế cấp khu vực trở lên bình quân 03 năm gần nhất	Tổ chức các sự kiện quốc tế cấp khu vực	Sở Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Công Thương: Mỗi đơn vị tổ chức tối thiểu 01 sự kiện/năm	Hoàn thành trước năm 2028
		Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn mức bình quân của cả nước trong 03 năm gần nhất	Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, dịch vụ để nâng cao thu nhập người dân	Sở Tài chính chủ trì; Cục Thống kê phối hợp	Hoàn thành trước năm 2028
		Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) trong 03 năm gần nhất đạt hoặc vượt tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)		Sở Tài chính chủ trì; Cục Thống kê phối hợp	Hoàn thành trước năm 2028

		Thu hút đầu tư trong nước hoặc đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu trong cả nước	Cải thiện chỉ số PCI, chuẩn bị quỹ đất sạch trong các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp	Sở Tài chính chủ trì; Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp phối hợp	Hoàn thành trước năm 2028
		Thuộc nhóm các địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương	Tăng cường các nguồn thu bền vững, chống thất thu thuế.	Sở Tài chính	Hoàn thành trước năm 2028
II	Mức độ đô thị hóa	Quy mô dân số đô thị $\geq 2.500.000$ người	Thống kê dân số <i>(bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú)</i> theo từng cấp đơn vị hành chính	Công an tỉnh	Đã đạt
		Tỷ lệ đô thị hóa từ 45% <i>(Quy mô dân số đô thị tại đô thị loại II, loại III được cấp có thẩm quyền công nhận so với quy mô dân số đô thị loại I (đạt tối thiểu 1.125.000 người/2.500.000 người))</i>	- Tỷ lệ đô thị hóa hiện trạng 36,3%; - Dự kiến đạt tối thiểu 60%	Sở Xây dựng	Báo cáo số liệu tính đến 31/12 hàng năm
		Tổng quy mô dân số đô thị loại II ≥ 600.000 người	Rà soát tiêu chí các đô thị loại II	Sở Xây dựng	Hoàn thành trước năm 2028
		Có 50% số phường trở lên trên tổng số phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II <i>(tối thiểu 20/39 phường)</i>	- Hiện trạng 01 phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II - Công nhận tối thiểu 19 phường/20 phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II	Sở Xây dựng	Hoàn thành trước năm 2028

III	Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị	Có ≥ 02 đầu mối hạ tầng giao thông cấp khu vực và quốc tế, cửa ngõ chính, trung tâm kết nối vùng	Hoàn thành và đưa vào khai thác tối thiểu 02 Công trình Đầu mối Giao thông Cấp Quốc gia/Khu vực (<i>Cảng hàng không/Cảng biển</i>)	Sở Tài chính chủ trì, Sở Xây dựng phối hợp	Hoàn thành trước năm 2029
		Có giao thông vận tải hành khách công cộng bao phủ 100% đô thị loại II	Mở rộng các tuyến buýt liên tỉnh, liên phường xã đảm bảo tỷ lệ bao phủ 100% đô thị loại II	Sở Xây dựng	Hoàn thành trước năm 2028
		Có ≥ 05 công trình kiến trúc, khu nhà ở, khu đô thị đã được đầu tư xây dựng đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	Tăng cường thi tuyển phương án quy hoạch, phương án kiến trúc	Sở Xây dựng	Hoàn thành trước năm 2028
		Phát triển đô thị bền vững đạt một trong các tiêu chuẩn sau: Đô thị thông minh mức độ 1 hoặc 50% số lượng đô thị loại II, loại III có năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu đạt mức khá trở lên	Lập Đề án phát triển đô thị thông minh; Lập đề nghị công nhận mức độ phát triển đô thị thông minh (<i>mức độ 1</i>)	Sở Xây dựng chủ trì, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp	Hoàn thành trước năm 2028
			Đánh giá năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu đạt mức khá trở lên (<i>50% số lượng đô thị loại II, loại III</i>)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hoàn thành trước năm 2028
		Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo giai đoạn gần nhất đã được cấp có thẩm quyền công nhận	Tiếp tục thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hoàn thành trước năm 2028
B	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ LOẠI II, III				
B.1	Nhóm tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá toàn đô thị (<i>phạm vi đô thị liên phường, liên xã</i>) (<i>quy định tại bảng 2A, phụ lục II, Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15</i>)				

I	Về mức độ đô thị hóa				
1	Quy mô dân số đô thị: Mã 2A.II.03	Loại II: Từ 200.000 người	Thống kê dân số (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú) theo phạm vi đô thị	Công an tỉnh	Hoàn thành theo lộ trình giai đoạn 2026-2029
		Loại III: Từ 20.000 người			
2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: Mã 2A.II.05	Loại II: Từ 65%	Thống kê lao động theo các ngành kinh tế theo phạm vi đô thị	Sở Nội vụ chủ trì; Thống kê tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp	Hoàn thành theo lộ trình giai đoạn 2026-2029
		Loại III: Từ 55%			
II	Về hạ tầng kỹ thuật				
1	Nhóm tiêu chuẩn về giao thông: Mã 2A.III.06, 2A.III.07	Đầu mối giao thông; Mật độ đường giao thông đô thị	Thống kê hệ thống đường giao thông theo từng cấp	Sở Xây dựng	Hoàn thành theo lộ trình giai đoạn 2026-2029
2	Nhóm tiêu chuẩn về Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải:			Sở Xây dựng chủ trì	
-	Cấp nước (Mã 2A.III.08)	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%;	Đầu tư nâng công suất, mở rộng mạng lưới cấp nước	Các đơn vị cấp nước đô thị, nông thôn	
-	Thoát nước, thu gom và xử lý nước thải (2A.III.09, 2A.III.10)	Mật độ đường cống thoát nước chính; Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch và kế hoạch phát triển đô thị	Đầu tư hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải theo quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị	- Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng số 1, 2, 3 - Ủy ban nhân dân cấp xã	

3	Nhóm tiêu chuẩn về Xử lý chất thải rắn: Mã 2A.III.11	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	Thực hiện Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
4	Nhóm tiêu chuẩn về Nghĩa trang đô thị: Mã 2A.III.12; 2A.III.13	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch; Nhà tang lễ	Rà soát quy hoạch nghĩa trang; kêu gọi đầu tư nghĩa trang tập trung; đóng cửa nghĩa trang nhỏ lẻ trong đô thị	Sở Xây dựng	
III	Về hạ tầng xã hội				
1	Số giường bệnh: Mã 2A.III.14	Số giường bệnh/vận dân	Nâng cao chỉ tiêu số giường bệnh tại cơ sở y tế cấp đô thị; Mở rộng quy mô các bệnh viện tuyến tỉnh; khuyến khích phát triển bệnh viện tư nhân; nâng cao số giường bệnh tại các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa các cấp (không bao gồm trạm y tế cấp xã)	Sở Y tế	Hoàn thành theo lộ trình giai đoạn 2026-2029
2	Cơ sở giáo dục, đào tạo: Mã 2A.III.15	Cơ sở giáo dục, đào tạo	Đầu tư xây dựng, thu hút các cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị	Sở Giáo dục và Đào tạo	
3	Công trình văn hóa - công trình thể dục, thể thao: Mã 2A.III.16, 2A.III.17	Công trình văn hóa; Công trình thể dục, thể thao	Đầu tư mới hoặc nâng cấp Trung tâm văn hóa tỉnh, sân vận động, thư viện, bảo tàng đạt chuẩn	Sở Văn hóa và Thể thao	

4	Công trình thương mại - dịch vụ: Mã 2A.III.18	Công trình thương mại, dịch vụ	Thu hút đầu tư các Trung tâm thương mại lớn, siêu thị; cải tạo chợ dân sinh (chợ hạng 1, 2)	Sở Công Thương	
IV	Về kiến trúc cảnh quan đô thị				
	Về không gian xanh: Mã 2A.III.20; 2A.III.21; 2A.III.22	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng; Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên; Đất cây xanh công cộng	Kiểm soát chặt chẽ đất cây xanh trong các dự án KĐT; Đầu tư xây dựng mới, cải tạo công viên, vườn hoa	Sở Xây dựng	Hoàn thành theo lộ trình giai đoạn 2026-2029
	Về quy chế quản lý kiến trúc đô thị: 2A.III.23	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	Sở Xây dựng	
B.2	Nhóm Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trình độ phát triển đô thị (phạm vi đánh giá từng phường, xã thuộc loại đô thị) (quy định tại bảng 2B, phụ lục II, Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15)				
	Phường thuộc đô thị loại III, đô thị loại II		Các xã phường rà soát các tiêu chí tiêu chuẩn theo quy định tại bảng 2B, phụ lục II, Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15	Ủy ban nhân dân cấp xã, các sở ngành phối hợp theo lĩnh vực	Hoàn thành theo lộ trình giai đoạn 2026-2029

Phụ lục II
DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

STT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành dự kiến	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Lập Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050	Năm 2026 (<i>đã phê duyệt</i>)	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã
2	Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Bình đến năm 2030	Năm 2026	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã
3	Lập Quy hoạch, Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị	Năm 2026-2027	Theo phân công, phân cấp	
4	Lập Quy chế quản lý kiến trúc cho các đô thị	Năm 2027-2028	Theo phân công, phân cấp	Theo phân công, phân cấp
5	Lập Đề án phát triển đô thị thông minh; Lập Đề nghị công nhận mức độ phát triển đô thị thông minh	Phê duyệt đề án trong năm 2026; Hoàn thành đánh giá Mức 1 năm 2028	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã
6	Lập Kế hoạch phát triển đô thị cấp xã	Năm 2026-2027	Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Xây dựng
7	Lập Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị đối với xã dự kiến lên phường	Năm 2026-2029	Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Xây dựng
8	Lập Đề án thành lập các phường	Năm 2026-2029	Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Nội vụ
9	Lập Đề án đề nghị công nhận Ninh Bình đạt tiêu chí đô thị loại I	Trước 2029	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã
10	Lập Đề án thành lập thành phố Ninh Bình	Trước 2030	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã

Phụ lục III.1

**DANH SÁCH CÁC XÃ CÓ KHU VỰC ĐÔ THỊ HIỆN TRẠNG,
PHÂN ĐẦU THÀNH LẬP PHƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026-2027**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

1. Xã Gia Viễn	13. Xã Cổ Lễ
2. Xã Nho Quan	14. Xã Cát Thành
3. Xã Yên Khánh	15. Xã Ninh Cường
4. Xã Yên Mô	16. Xã Xuân Trường
5. Xã Phát Diệm	17. Xã Hải Hậu
6. Xã Bình Minh	18. Xã Hải Tiến
7. Xã Bình Mỹ	19. Xã Hải Thịnh
8. Xã Tân Thanh	20. Xã Giao Thủy
9. Xã Vĩnh Trụ	21. Xã Giao Ninh
10. Xã Nam Trực	22. Xã Nghĩa Hưng
11. Xã Vụ Bản	23. Xã Quỹ Nhất
12. Xã Ý Yên	24. Xã Rạng Đông

Phụ lục III.2

**DANH SÁCH CÁC XÃ TRONG KHU VỰC DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ,
PHẦN ĐẦU ĐẠT TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN PHƯỜNG ĐÔ THỊ LOẠI III
TRONG NĂM 2028-2029**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

1. Xã Giao Bình	18. Xã Bình Sơn
2. Xã Giao Hưng	19. Xã Liêm Hà
3. Xã Giao Phúc	20. Xã Thanh Bình
4. Xã Giao Hòa	21. Xã Thanh Liêm
5. Xã Hải Hưng	22. Xã Bắc Lý
6. Xã Hải Xuân	23. Xã Nam Lý
7. Xã Xuân Hưng	24. Xã Đại Hoàng
8. Xã Hiền Khánh	25. Xã Gia Vân
9. Xã Nam Hồng	26. Xã Gia Trấn
10. Xã Vạn Thắng	27. Xã Quỳnh Lưu
11. Xã Vũ Dương	28. Xã Yên Từ
12. Xã Liên Minh	29. Xã Yên Mạc
13. Xã Quang Hưng	30. Xã Định Hóa
14. Xã Yên Đồng	31. Hải Quang
15. Xã Phong Doanh	32. Kim Sơn
16. Xã Tân Minh	33. Quang Thiện
17. Xã Bình Lục	34. Lai Thành
	35. Khánh Nhac